

PHỤ LỤC ĐH3
Chương trình đào tạo ngành Kế toán
chuyên ngành Kế toán chuẩn quốc tế ACCA

(Quyết định số 656/QĐ-HV ngày 19/08/2019 về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học ngành Kế toán chuyên ngành Kế toán chuẩn quốc tế - trình độ đại học hệ chính quy)

1. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

a) Quy định chung:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (*theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên*) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (*trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành*) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (*đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam*) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (*sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT*);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp bài thi/môn thi tương ứng các ngành của Học viện.

c) Đối với phương thức xét tuyển kết hợp thi ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

- Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên hoặc ACT từ 25/36 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (*hoặc học kỳ 1 lớp 12*) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (*tính đến ngày xét tuyển*) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (*hoặc học kỳ 1 lớp 12*) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (*hoặc học kỳ 1 lớp 12*) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

- Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (*các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học*) hoặc hệ/lớp chuyên môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc gia; và có kết quả điểm trung bình

chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên (Như danh sách các trường THPT chuyên kèm theo).

Ghi chú: Đối với các thí sinh nếu chưa có điểm trung bình chung học tập lớp 12 có thể sử dụng điểm trung bình chung học tập học kỳ 1 lớp 12.

2. MỤC TIÊU, KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐẠT ĐƯỢC

2.1 Mục tiêu

Chương trình đào tạo ngành kế toán, chuyên ngành kế toán chuẩn quốc tế của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được thiết kế nhằm đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trình độ đại học ngành kế toán hướng theo tiêu chuẩn kế toán quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp chương trình có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có bản lĩnh chính trị vững vàng; có kiến thức cơ bản, cơ sở và bổ trợ về kinh tế, kinh doanh và quản lý; có kiến thức và kỹ năng chuyên môn về ngành nghề kế toán, phân tích kinh doanh và kiểm toán theo chuẩn quốc tế; để có khả năng hội nhập vào thị trường lao động quốc tế.

Sinh viên ra trường sẽ nhận được (1) Bằng cử nhân ngành kế toán của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và (2) có đủ năng lực để hoàn thành kỳ thi để được cấp Chứng chỉ CAT (Kế toán viên quốc tế) của Hiệp hội kế toán công chứng Anh quốc (ACCA).

2.2 Kiến thức

(a) Nắm vững các kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kinh tế, kinh doanh, quản trị và vận dụng các kiến thức này trong học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;

(b) Nắm vững kiến thức nền tảng mang tính nguyên lý và có khả năng tự phát hiện, cập nhật những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và quốc tế để phục vụ cho công việc chuyên môn.

(c) Nắm vững kiến thức về kế toán tài chính chuẩn quốc tế theo chương trình CAT-ACCA (Anh Quốc)

(d) Nắm vững kiến thức về kế toán quản trị, kiểm toán chuẩn quốc tế theo chương trình CAT-ACCA (Anh Quốc)

(e) Nắm vững kiến thức về tài chính, phân tích tài chính, thuế chuẩn quốc tế theo chương trình CAT-ACCA (Anh Quốc)

2.3 Kỹ năng

(a) Có kỹ năng tổ chức và thực hiện các công việc kế toán tài chính, kế toán quản trị, xử lý và thiết lập hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh, phân tích tài chính, kiểm soát nội bộ trong các tổ chức, các loại hình doanh nghiệp, các cơ quan tổ chức theo chuẩn kế toán quốc tế và Việt Nam;

(b) Biết xây dựng các chính sách, chế độ kế toán, kiểm toán nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, các cơ quan tổ chức theo chuẩn kế toán quốc tế và Việt Nam;

(c) Có kỹ năng sáng tạo, vận dụng những kiến thức về kế toán quốc tế để hoàn thiện hoạt động kế toán của các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài.

2.4 Kỹ năng mềm

(a) Kỹ năng giao tiếp: giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;

(b) Kỹ năng làm việc nhóm: biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;

(c) Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc.

2.5 Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

(a) Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế;

(b) Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

2.6 Công nghệ thông tin

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể, sinh viên có khả năng cơ bản trong việc sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng và sử dụng Internet trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

3. CÁC CHÍNH SÁCH, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC TẬP, SINH HOẠT CHO NGƯỜI HỌC

- Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân.
- Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức.
- Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.

4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 131 tín chỉ (không bao gồm nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm)

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1 Cấu trúc chương trình:

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	43
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó: - Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành - Kiến thức ngành và chuyên ngành (trong đó các môn CAT-ACCA)	78 46 32 (42)
3	Thực tập và Tốt nghiệp	10
	CỘNG	131

4.2 Nội dung chương trình

4.2.1 Khối kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3					
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2					
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2					
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6			
6	Tiếng Anh (Course 1)*	BAS1157	4					
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4					
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4					
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2					
10	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	20	4	4	2	
11	Tin học cơ sở 3	INT1156	2	20	4	4	2	
12	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	18	6		6	
	Tổng:		31					
Giáo dục thể chất và quốc phòng								
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2	
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2	
3	Giáo dục Quốc phòng	BAS1105	7,5					
Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)								
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1	
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1	

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
3	Kỹ năng tạo lập Văn bản	SKD1103	1	6	8		1	
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1	
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1	6	8		1	
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1	
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1	6	8		1	
	Tổng:		3					

(*): Điều kiện để đăng ký học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ 225 điểm theo bài thi TOEIC Placement Test trở lên; các thí sinh chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS 1156)

4.2.2 Khối kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
13	Toán cao cấp 1	BAS1219	2	24	6			
14	Toán cao cấp 2	BAS1220	2	24	6			
15	Toán kinh tế	BSA1241	3	36	8		1	
16	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	36	8		1	
17	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6			
	Tổng:		12					

4.2.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

4.2.3.1 Kiến thức cơ sở ngành và ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
18	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	36	8		1	
19	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	36	8		1	

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
20	Luật kinh doanh	BSA1314	2	24	6			
21	Tài chính tiền tệ	FIA1326	3	36	8		1	
22	Nguyên lý kế toán	FIA1321	3	36	8		1	
23	Nguyên lý thống kê kinh tế	BSA1348	3	36	8		1	
24	Thanh toán quốc tế	FIA1327	2	24	6			
25	Recording financial transaction (FA1- Ghi nhận các giao dịch tài chính)	FIA_E1350	3	36	8		1	
26	Maintaining financial records (FA2- Quản lý hồ sơ tài chính)	FIA_E1351	3	36	8		1	
27	Management Information (MA1- Thông tin quản trị)	FIA_E1352	3	36	8		1	
28	Foundations in Audit 1 (FAU 1- Kiểm toán 1)	FIA_E1353	3	36	8		1	
29	Accountant in Business 1 (FAB 1- Kế toán trong kinh doanh 1)	FIA_E1354	2	24	6			
30	Accountant in Business 2 (FAB 2- Kế toán trong kinh doanh 2)	FIA_E1355	4	48	12			
31	Foundations in Financial Management 1 (FFM 1- Quản trị tài chính 1)	FIA_E1356	3	36	8		1	
Học phần lựa chọn * (chọn 1 trong 2 tổ hợp môn gồm 6 tín chỉ)								
Tổ hợp định hướng Tài chính - Ngân hàng								
32	Ngân hàng và nghiệp vụ ngân hàng	FIA1439	2	24	6			
33	Đầu tư chứng khoán	FIA1343	2	24	6			
34	Định giá doanh nghiệp	FIA1440	2	24	6			
Tổ hợp định hướng Quản trị - Marketing								
32	Phân tích hoạt động kinh doanh	BSA1320	2	24	6			
33	Thương mại điện tử	MAR1323	2	24	6			
34	Quản trị bán hàng	MAR1329	2	24	6			
Tổng:			46					

4.2.3.2 Kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
35	Managing costs and Finance (MA2- Quản trị chi phí và tài chính)	FIA_E1457	3	36	8		1	
36	Management Accounting (FMA- Kế toán quản trị)	FIA_E1458	4	48	12			
37	Financial Accounting (FFA- Kế toán tài chính)	FIA_E1459	4	48	12			
38	Foundations in Audit 2 (FAU 2- Kiểm toán 2)	FIA_E1460	3	36	8		1	
39	Foundations in Financial Management 2 (FFM 2- Quản trị tài chính 2)	FIA_E1461	3	36	8		1	
40	Foundations in Taxation (FTX- Thuế)	FIA_E1462	4	48	12			
41	Hệ thống thông tin kế toán	FIA1404	3	36	8		1	
42	Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp	FIA1422	2	24	6			
Học phần lựa chọn ** (chọn 1 trong 3 tổ hợp gồm 6 tín chỉ)								
Tổ hợp định hướng Kế toán tài chính doanh nghiệp								
43	Kế toán tài chính doanh nghiệp (theo CDKTVN)	FIA1444	2	24	6			
44	Kế toán thuế	FIA1445	2	24	6			
45	Ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính	FIA1446	2	24	6			
Tổ hợp định hướng Kiểm toán								
43	Kiểm toán hoạt động	FIA1447	2	24	6			
44	Kiểm toán tài chính	FIA1448	2	24	6			
45	Kiểm soát quản lý	FIA1449	2	24	6			
Tổ hợp định hướng Kế toán trong các đơn vị đặc thù								
43	Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm	FIA1406	2	24	6			
44	Kế toán công	FIA1405	2	24	6			
45	Kế toán ngân hàng thương mại	FIA1408	2	24	6			
Tổng :			32					

Ghi chú: Các học phần có mã học phần được gắn chữ cái “E” là các học phần được giảng dạy, học tập bằng ngôn ngữ tiếng Anh

4.2.3.3 Thực tập: 4 TC

4.2.3.4 Tốt nghiệp: 6TC (Làm khóa luận hoặc học 3 học phần thay thế tốt nghiệp, mỗi học phần 2TC trong số học phần tự chọn kiến thức chuyên ngành, lựa chọn theo nhóm)

5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

- (a) Có khả năng học tập tiếp các chương trình cao học trong và ngoài nước;
- (b) Đáp ứng các điều kiện tiếp tục học để lấy chứng chỉ chuyên nghiệp ACCA (Anh Quốc), CPA (Úc).

6. VỊ TRÍ LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc sau:

- (a) Có khả năng đảm nhận tốt các vị trí tại các bộ phận chức năng kế toán, kiểm toán ở doanh nghiệp trong và ngoài nước, các Bộ, ngành và các cơ quan nhà nước; các đơn vị liên doanh liên kết; các ngân hàng hoặc các tổ chức khác; hành nghề kế toán tại các công ty tư vấn kế toán kiểm toán chuyên nghiệp có yếu tố nước ngoài;
- (b) Đủ kỹ năng đảm đương hoặc tham gia các hoạt động hoạch định chính sách kế toán/kiểm toán, và tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp;
- (c) Có khả năng tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân;
- (d) Có khả năng trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về kế toán, kiểm toán tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo.